TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 –CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2026.
"Về việc:Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thúy.

- *Các Hội thẩm nhân dân gồm*: Bà Hoàng Thị Gấm và ông Bế Văn Hạnh

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Thành Dương - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Thắm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 2 - Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2025/TLST – DS ngày 14 tháng 11 năm 2025 về việc " Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn Bế Thị Lệ T - Sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng.

Căn cước công dân số: 0041820055xx; cấp ngày 07/8/2022; Nơi cấp: Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1;

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn Lê Đình C - sinh năm 1980;

Căn cước công dân số: 0040800060xx; cấp ngày 17/06/2021; Nơi cấp: Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C1.

Nơi ĐKNKTT: Xóm T, xã Q, tỉnh Cao Bằng.

Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 34, phân trại số C, Trại giam P; địa chỉ: Xã V (xã C, huyện P cũ), tỉnh Thái Nguyên.

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 12 tháng 11 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bế Thị Lệ T trình bày:*

Tôi kết hôn với anh Lê Đình C ngày 04/9/2007, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q (nay là UBND xã Q), tỉnh Cao Bằng.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm kéo dài, thường xuyên không quan tâm, tôn trọng lẫn nhau. Anh C nghiện ma túy, đến ngày 20/5/2022 bị bắt và bị xử về tội buôn bán và tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lê Đình C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Bảo N – Sinh ngày 25/5/2009, hiện nay con đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê Đình C có lời khai như sau:*

Tôi và chị T kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, tôi nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị T có 01 con chung là Lê Bảo N, sinh năm 2009. Hiện cháu đang ở với bà nội và mẹ. Trường hợp ly hôn, mẹ cháu là người trực tiếp nuôi con, do tôi đang phải chấp hành án nên không thể cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng thủ tục tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bế Thị Lệ T được ly hôn với anh Lê Đình C. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N – Sinh ngày 25/5/2009 cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc; Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Bế Thị Lệ T và anh Lê Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (nay là UBND xã Q, tỉnh Cao Bằng) vào ngày 04/9/2007, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị T và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm kéo dài, thường xuyên không quan tâm, tôn trọng lẫn nhau, anh C nghiện ma túy, đến ngày 20/5/2022 bị bắt và bị xử về tội buôn bán và tàng trữ trái phép chất ma túy. Còn theo anh C, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh C cũng nhất trí. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Bế Thị Lệ T, cho chị T được ly hôn với anh Lê Đình C.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị Bế Thị Lệ T và anh Lê Đình C có 01 con chung là Lê Bảo N, sinh ngày 25/5/2009. Khi ly hôn, cả chị T và anh C đều thống nhất để chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Còn ý kiến của cháu N cũng có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị T và anh C đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Bế Thị lệ T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147; Điều 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ñy ban th-ênng vô Quèc héi; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Bế Thị Lệ T, cho chị Bế Thị Lệ T được ly hôn với anh Lê Đình C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo N, sinh ngày 25/5/2009 cho chị Bế Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Bế Thị Lệ T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0000288 ngày 14/11/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh;
-VKS tỉnh;
-VKS KV2-CB;
-Phòng THADSKV2-CB;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Thúy